

RÀO CẢN VÀ THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở VÙNG MIỀN NÚI TÂY BẮC HIỆN NAY

PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện
Viện Xã hội học

Tóm tắt: Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục ở vùng Tây Bắc. Song, nhiều rào cản trong giáo dục phổ thông vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận trường lớp của học sinh vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có đông học sinh là người dân tộc thiểu số sinh sống. Dựa vào kết quả nghiên cứu định tính tại hai tỉnh Điện Biên và Lào Cai, bài viết này chỉ rõ rằng: nhận thức từ phía cha mẹ và học sinh, hoàn cảnh gia đình, phong tục tập quán địa phương, đội ngũ giáo viên, cơ sở hạ tầng, địa hình, thời tiết... là những nhân tố chi phối việc đến trường của học sinh ở vùng miền núi Tây Bắc.

Từ khóa: Rào cản, thách thức, phát triển giáo dục phổ thông, miền núi Tây Bắc.

Ngày nhận bài: 2/7/2018; ngày gửi phản biện: 6/7/2018; ngày duyệt đăng: 8/8/2018

1. Bối cảnh

Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách giáo dục, đồng thời đẩy mạnh việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục và đào tạo ở khắp mọi vùng miền đất nước, nhất là từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (1986). Nhằm đẩy mạnh phát triển giáo dục, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước tiếp tục đưa ra nhiều văn bản quan trọng như: *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020* do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, số 711/QĐ-TTg, ngày 13/06/2012; *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8* của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI số 29/NQ-TW ngày 4/11/2013,... Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW nhằm tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các địa phương. Thực tế này đã tạo cơ hội cho các nhóm xã hội ở mọi vùng miền được tiếp cận tốt hơn hệ thống giáo dục và đào tạo từ mẫu giáo, mầm non... cho đến đại học. Song thực tế cho thấy còn nhiều rào cản, thách thức trong giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng vẫn đang hiện hữu, như: nhận thức của học sinh và cha mẹ, hoàn cảnh kinh tế gia đình, sự tham gia của các cấp chính quyền, hệ thống cơ sở hạ tầng của nhiều cơ sở đào tạo... đang ảnh hưởng đến tiếp cận trường lớp của học sinh, nhất là ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có đông học sinh dân tộc thiểu số sinh sống (Võ Thanh Sơn và cộng sự, 2001; Trần Quý Long, 2014; Nguyễn Đức Chiện, 2016). Hệ quả là, chính sách phát triển giáo dục và hướng đến giảm thiểu sự bất bình đẳng trong tiếp cận các cấp giáo dục vẫn

chưa được thực hiện đúng với chủ trương mà Đảng và Nhà nước ta đề ra (Nguyễn Đức Chiện, 2009; 2016). Hơn nữa, điều này ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển toàn diện con người, nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài viết này dựa vào nguồn dữ liệu nghiên cứu định tính của Dự án “*Tiếp cận bình đẳng trong giáo dục cấp trung học cơ sở*” do tác giả và nhóm nghiên cứu thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện năm 2016 với sự tài trợ của UNICEF Việt Nam tại 5 tỉnh ở Việt Nam (trong đó có hai tỉnh Điện Biên và Lào Cai ở vùng Tây Bắc) để chỉ ra các rào cản, thách thức trong phát triển giáo dục phổ thông ở vùng Tây Bắc; đồng thời đưa ra một số bàn luận chính sách nhằm vượt qua những rào cản và thách thức trong phát triển giáo dục ở vùng cao hiện nay.

2. Rào cản và thách thức từ phía học sinh và gia đình

2.1. Nhận thức của bản thân học sinh và cha mẹ

Các nghiên cứu trước đây (Trương Thị Kim Chuyên, Thái Thị Ngọc Dung và Bạch Hồng Việt, 1999; ADB, 2002) mới chỉ quan tâm đến những khó khăn về điều kiện kinh tế, trường lớp trong tiếp cận giáo dục của nhóm học sinh vùng miền núi, dân tộc thiểu số, song chưa chú ý tìm hiểu nhận thức của chính học sinh và cha mẹ các em như là một rào cản quan trọng trong việc tiếp cận trường lớp, đặc biệt là nhóm học sinh phổ thông ở các địa phương vùng cao, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy nhận thức của bản thân học sinh và phụ huynh đã chi phối rất lớn việc đến trường của các em. Ý kiến của một nam học sinh lớp 8, Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Pa Cheo, Lào Cai cho biết: “*Em cứ đến trường thôi, việc học đến lớp nào em không biết. Bố mẹ có thể cho em nghỉ bất cứ lúc nào. Gia đình em có chị gái học xong cao đẳng kinh tế 3 năm rồi nhưng chưa xin được việc*”. Thông tin phỏng vấn nhóm cha mẹ cũng phản ánh điều này: “*Cháu tuổi còn nhỏ nên gia đình cho đến trường để biết lấy cái chữ, có kiến thức thì tốt cho cuộc sống của nó sau này. Nhưng để cháu học cao thì tôi không biết vì gia đình không thể xin được việc cho cháu*” (Nam, 43 tuổi, dân tộc Hmông, xã Pa Cheo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Ý kiến của nam giới, 35 tuổi, dân tộc Thái, xã Na Son, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên cũng phản ánh kết quả tương tự: “*Gia đình còn nhiều khó khăn, đông con nên không thể cho con học hành nhiều. Vào dịp mùa vụ phải lên nương/rẫy tập trung thu hoạch ngô, gia đình phải gọi cháu về trông em và phụ giúp công việc nhà*”.

Kết quả phỏng vấn lãnh đạo địa phương và nhà trường cũng cho thấy sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền từ Trung ương đến địa phương, công tác tuyên truyền ở cơ sở về bảo đảm các điều kiện đến trường cho học sinh, tỷ lệ học sinh ở địa bàn bỏ học đã giảm đi rõ rệt, học sinh và cha mẹ các em đang dần thay đổi nhận thức về việc đến trường. Hiện nay ở các địa phương đã chấm dứt “phong trào nghỉ học đồng loạt” khi các em bước vào trung học cơ sở như trước đây. Tuy nhiên, các thông tin phỏng vấn cha mẹ và học sinh vừa nêu cũng cho thấy còn tồn tại tâm lý bất an của học sinh và phụ huynh về con đường học hành của trẻ em

vùng cao. Các em học sinh dân tộc thiểu số chưa xác định được động cơ học tập để nâng cao tri thức, hiểu biết các kỹ năng sống. Tâm lý thích chơi hơn thích học còn phổ biến, việc đến trường hàng ngày vẫn mang tính đối phó với cha mẹ và cộng đồng. Bản thân phụ huynh cũng chưa quan tâm đôn đốc, theo dõi sát việc học tập hàng ngày của con cái, vì nhận thức việc học tập không đem lại thay đổi căn bản đời sống kinh tế gia đình. Điều này dẫn đến hiện tượng cha mẹ không ủng hộ cho con đến trường, hoặc cho con học đến khi biết đọc, biết viết, với suy nghĩ học như vậy là đủ. Các bậc phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ ích lợi của việc học tập cũng như vai trò của nó với việc nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng cuộc sống. Như vậy, nhận thức của bản thân học sinh và cha mẹ các em về ý nghĩa của việc học tập ở trường đang là rào cản chi phối cơ hội đến trường của các em nhỏ. Đây là thách thức lớn đối với phát triển giáo dục trung học phổ thông nhằm nâng cao học vấn, tri thức và các kỹ năng cho các nhóm học sinh dân tộc thiểu số ở vùng núi Tây Bắc hiện nay.

2.2. Hoàn cảnh gia đình và phong tục tập quán địa phương

Hoàn cảnh gia đình cũng là yếu tố tác động mạnh mẽ tới việc đến trường của các nhóm học sinh ở vùng cao. Vấn đề này đã được nhiều nghiên cứu nhắc đến (Indu Bhushan và cộng sự, 2001; Đỗ Thiên Kính, 2005; Nguyễn Đức Vinh, 2009; Trần Quý Long, 2013 và 2014; Nguyễn Đức Chiện, 2016...) đều nhắc đến hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thu nhập thấp, trẻ em tham gia lao động... như là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghỉ học. Kết quả khảo sát tại xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và xã Na Son, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên cho thấy rõ hơn về hoàn cảnh kinh tế gia đình có ảnh hưởng việc đến trường của học sinh. *“Gia đình kinh tế khó khăn, đông con nên trước mắt vợ chồng tôi lo cho con có ngô khoai ăn hàng ngày là vui lắm rồi, đi học lúc các cháu còn nhỏ không mất tiền, phải đi xa và mất tiền thì không thể”* (Nam, 43 tuổi, dân tộc Hmông, xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Hay: *“Đến đợt mưa về, có nước để gieo hạt thì cả nhà phải tập trung cùng làm. Vào những ngày đó, gia đình huy động các con tham gia, kể cả các cháu đang đi học cũng xin nghỉ vài buổi giúp đỡ gia đình làm nương rẫy, hoặc ở nhà tham gia giúp việc gia đình. Nói chung, việc các cháu nghỉ học ở nhà lúc mùa vụ có ảnh hưởng đến học tập, nhưng vẫn muốn các con nghỉ”* (Nữ, 45 tuổi, dân tộc Tày, xã Na Son, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên).

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên trách nhiệm mưu sinh vẫn được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, việc đầu tư cho con cái đi học, nhất là ở những cấp học phải trả phí học tập là vấn đề rất khó đối với mỗi gia đình. Bên cạnh đó, hoạt động canh tác nông nghiệp và phương thức sản xuất của gia đình chưa thay đổi, mỗi khi vào mùa vụ vẫn phải huy động hết nhân lực gia đình tham gia vào sản xuất cho kịp mùa vụ. Việc huy động trẻ em vào hoạt động sản xuất của gia đình đã ảnh hưởng đến chất lượng tính chuyên cần học tập và khả năng đến trường của học sinh vùng cao.

Bên cạnh đó, các tập tục truyền thống cũng ảnh hưởng lớn đến cơ hội theo đuổi việc học tập của trẻ em vùng cao. Ý kiến của một lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cho biết: “*Trong những năm qua, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương tuyên truyền rất mạnh nhằm chấm dứt tình trạng các cháu nghỉ học để lấy chồng, lấy vợ. Thực trạng tảo hôn có giảm hơn trước, nhưng vẫn còn xảy ra ở một số thôn/bản*”. Các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số có tốc độ tăng trưởng kinh tế rất chậm và có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất nước. Do đời sống kinh tế chưa ổn định và nhu cầu mưu sinh là chính nên nhiều gia đình người dân tộc thiểu số không ưu tiên việc cho con đến trường. Thông tin phỏng vấn đại diện chính quyền xã cho thấy còn tình trạng học sinh phải bỏ học theo cha mẹ đi làm nương rẫy, nhất là vào mùa vụ gieo trồng, thu hoạch trong năm hoặc ở nhà tham gia giúp việc gia đình. Phong tục tập quán và các hoạt động lễ hội truyền thống ở địa phương trong năm cũng là rào cản có ảnh hưởng tới việc nghỉ học và tính chuyên cần trong học tập của các nhóm học sinh, kể cả nghỉ không tiếp tục theo học. Tại các thôn bản được khảo sát đều có nhiều lễ hội trong năm, mỗi đợt lễ hội thường diễn ra trong nhiều ngày. Vì vậy, khi học sinh được gia đình cho nghỉ để tham dự sẽ dễ quên nhiệm vụ học tập, thực tế đã có nhiều học sinh nghỉ lễ, tết xong thường không muốn tiếp tục đến trường.

3. Rào cản và thách thức từ cơ sở hạ tầng, đội ngũ giáo viên, vai trò chính quyền địa phương, địa hình và thời tiết

3.1. Cơ sở hạ tầng, đội ngũ giáo viên, địa hình và thời tiết

Nghiên cứu của Phạm Hương Trà (2007) đã chỉ ra một số khó khăn như trường lớp ở xa nhà và cơ sở hạ tầng đường sá không thuận tiện như là những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới việc đi học của trẻ em vùng cao. Để khắc phục thực tế này, những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chương trình và bằng nhiều nguồn lực khác nhau để hỗ trợ phát triển giáo dục phổ thông, đặc biệt là đối với các địa phương có đồng bào dân tộc ít người, vùng miền núi, nhằm tạo cơ hội cho các nhóm học sinh ở những vùng này có thể tiếp cận giáo dục tốt nhất. Kết quả quan sát cơ sở trường lớp tại hai địa bàn khảo sát như sau:

* *Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Pa Cheo, Lào Cai*: Khu nhà ở lưu trú của học sinh âm thấp, thiếu chăn chiếu cho học sinh; bể chứa nước sinh hoạt bé trong khi nguồn nước lấy từ khe núi về chỉ có dư thừa vào mùa mưa; thiếu không gian, sân chơi tập luyện thể thao cho học sinh; khoảng cách từ trường đến nhà xa, đường sá khó đi, nếu học sinh đi bộ mỗi lần từ trường về nhà mất khoảng nửa ngày; thiếu phòng ở cho đội ngũ giáo viên ở xa đến dạy học. Các giáo viên phải kiêm nhiệm thêm nhiều công việc của nhà trường do thiếu nhân lực.

* *Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Na Son, Điện Biên*: Thiếu phòng họp, phòng y tế, phòng thí nghiệm chất lượng xuống cấp; tường nhà, bàn ghế của các lớp học xuống cấp, thiếu đồ dùng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, máy chiếu, ti vi cũ hỏng và thiếu đồng bộ; sân trường và khu nhà vệ sinh thường xuyên ẩm ướt, ứ đọng nước thải gây ô nhiễm. Hơn nữa, số nhà xí còn quá ít so với tổng số học sinh toàn trường. Mỗi lần nghỉ giải lao các em đi vệ sinh phải chờ đợi nhau.

Có thể nhận thấy, điều kiện đến trường của học sinh dân tộc thiểu số, vùng miền núi còn nhiều khó khăn. Đây là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ huy động trẻ em vùng núi, vùng sâu, vùng dân tộc đi học phổ thông còn thấp và không đồng đều giữa các dân tộc. Các dẫn chứng từ khảo sát cho thấy thực tế mạng lưới trường, lớp ở vùng dân tộc chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Tại địa bàn khảo sát, các xã đều đã có trường trung học cơ sở, nhưng do địa bàn trải rộng, hiểm trở, phân tán nên các em phải đi bộ khoảng cách xa mới đến trường. Một số em có điều kiện hơn thì đi xe đạp nhưng đường hẹp và dốc nên rất khó khăn. Mặt khác, điều kiện thời tiết mưa bão, lũ quét, hạn hán, sương mù, nước ngập cầu qua sông, suối... cũng làm ảnh hưởng đến kế hoạch học tập và mức độ chuyên cần của học sinh. Thậm chí việc học sinh nghỉ học vì lý do thời tiết xấu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch và chương trình kết thúc học kỳ và năm học của nhà trường.

Thông tin phỏng vấn từ nhóm giáo viên cho thấy rõ hơn về mạng lưới trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học mặc dù đã được tăng cường đầu tư, nhưng vẫn thiếu sự đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt ở một số trường chuyên biệt vùng miền núi, dân tộc thiểu số. Cơ sở giáo dục, trường lớp ở miền núi, vùng sâu, vùng dân tộc chưa được đầu tư hợp lý, thường xuyên, đúng mức. Chẳng hạn, điều kiện ở nội trú còn hạn chế về cơ sở vật chất như khu nội trú còn chật chội, thiếu diện tích sân chơi thể thao, nhà vệ sinh chưa được khang trang, nước sạch còn thiếu, tình trạng vứt rác bừa bãi diễn ra ngay trong khuôn viên của nhà trường,...

Đội ngũ lãnh đạo nhà trường, các giáo viên tham gia giảng dạy chưa ổn định lâu dài, chương trình giảng dạy còn thiếu sự phù hợp... cũng là rào cản đối với phát triển giáo dục ở vùng cao hiện nay. “*Về cán bộ quản lý như Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng thì tạm ổn, nhưng đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu, nhất là các môn nhạc họa, tin học, nhân viên thư viện và công tác đoàn đội*” (Nữ, Hiệu trưởng trường THCS Quang Kim, Lào Cai). Hiệu trưởng trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Pa Cheo, Lào Cai cho biết thêm: “*Đội ngũ giáo viên ở các trường vùng cao thường không ổn định, do sự luân chuyển thường xuyên và không theo kế hoạch. Tâm lý thầy cô không muốn gắn bó lâu dài với trường vùng cao. Nếu có cơ hội về gần thành phố là họ chuyển ngay, kể cả thầy cô giáo là người ở địa phương vì lý do theo chồng hoặc về thành phố sống, để con cái có điều kiện học trường tốt hơn*”. Chất lượng, cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số còn bất cập. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về

năng lực sư phạm, chưa có nhiều chuyển biến trong phương pháp giáo dục lấy học sinh làm trung tâm, ít hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa của các dân tộc thiểu số. Thêm vào đó, khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục, theo dõi hỗ trợ học sinh yếu kém của một bộ phận giáo viên còn hạn chế. Ngoài ra, do một bộ phận giáo viên đời sống khó khăn nên chưa yên tâm công tác lâu dài ở các trường vùng cao, vùng sâu. Định mức biên chế giáo viên/lớp và chính sách, chế độ đối với nhân viên làm việc trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú chưa phù hợp với đặc thù công việc. Có thể nói, chế độ tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo công tác ở vùng dân tộc thiểu số chưa tương xứng, không tạo được động lực thu hút những người giỏi tình nguyện lên công tác. Đời sống của nhà giáo vùng dân tộc còn nhiều khó khăn, đang ngày càng có nguy cơ cách xa so với đời sống của nhà giáo ở các vùng khác, làm ảnh hưởng đến tâm huyết cống hiến, nhất là phục vụ nhóm học sinh còn gặp nhiều khó khăn trong học tập.

Bên cạnh đó, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa chưa thật sự phù hợp với từng địa phương, vùng và nhóm học sinh dân tộc. Dung lượng các bài học đối với học sinh dân tộc thiểu số khá nhiều và nặng. Cách diễn đạt ở một số nội dung chưa phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ tiếng Việt của học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số, chưa tạo được sự hấp dẫn đối với các em. Rào cản ngôn ngữ làm ảnh hưởng đến mức độ tiếp thu bài học, sự tự tin trong giao tiếp, trong việc tham gia vào bài học và cuối cùng là ảnh hưởng đến kết quả học tập nói chung. Nhiều học sinh bỏ học do lực học yếu kém, không theo kịp chương trình, trong đó có lý do yếu tiếng Việt.

3.2. Vai trò của chính quyền và các đoàn thể ở địa phương

Nghiên cứu của nhóm tác giả Nolwen Henaff và Jean Yves Martin (2001) cho thấy, các cấp chính quyền đã có nhiều cố gắng để hòa nhập các nhóm dân tộc thiểu số vào xu thế chung, nhưng việc đi học của nhóm xã hội này vẫn ở mức thấp và tình trạng mù chữ vẫn còn ở mức cao. Có thể thấy, trong những năm qua chính quyền và các đoàn thể ở địa phương đã đóng một vai trò rất quan trọng đối với việc phát triển giáo dục ở vùng miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng kết quả phỏng vấn một số lãnh đạo địa phương và giáo viên cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề liên quan đến vai trò của chính quyền địa phương cần được khắc phục để mở rộng cơ hội tiếp cận trường lớp cho các nhóm học sinh vùng cao. *“Lãnh đạo địa phương, thôn bản thực hiện hình thức là chính. Vào đầu năm học, các em nghỉ học nhiều, nhà trường làm việc với chính quyền địa phương, sau đó cử người đến hộ gia đình vận động, nhưng xong rồi lại bỏ đó, nói chung là đầu lại vào đó, chưa quan tâm thường xuyên”* (Nữ, Giáo viên Trường THCS Quang Kim, Lào Cai).

Có thể nhận thấy, ở một số địa phương, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện về tầm quan trọng của giáo dục đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số nên chưa có sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt để giải quyết tình trạng bỏ và nghỉ học của học sinh.

Công tác vận động, tuyên truyền của địa phương về quyền trẻ em và nghĩa vụ của công dân, trong đó có gia đình học sinh chưa được quan tâm triệt để và thường xuyên, chưa đưa thành chế tài hợp lý. Các địa phương được khảo sát đều thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là các huyện và xã nghèo thuộc Nghị quyết số 30a của Chính phủ, mặc dù được ưu tiên nhưng do nguồn lực ngân sách có hạn nên chưa đáp ứng được nhu cầu kinh phí đầu tư thực hiện các mục tiêu giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trường hợp ở hai tỉnh Lào Cai và Điện Biên cho thấy, rào cản nhận thức từ phía cha mẹ và học sinh, hoàn cảnh gia đình, phong tục tập quán địa phương, đội ngũ giáo viên, cơ sở hạ tầng, địa hình và thời tiết, vai trò của chính quyền địa phương... đang là những nhân tố chi phối việc đến trường của học sinh ở vùng miền núi Tây Bắc. Phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn dân. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo. Điều đó được thể hiện qua các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho giáo dục và đào tạo phát triển. Các bộ, ngành, chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và nhân dân đã quan tâm hơn đến sự nghiệp giáo dục đào tạo, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, rào cản và thách thức trong giáo dục phổ thông vẫn chưa được giải quyết triệt để, nhất là đối với các địa phương vùng miền núi, nơi có đông bào dân tộc thiểu số sinh sống. Điều này dẫn đến sự bất bình đẳng xã hội trong tiếp cận giáo dục, làm giảm hiệu quả và lợi ích mà giáo dục có thể đem đến cho cuộc sống của con người và xã hội ở các địa phương, vùng miền còn gặp nhiều khó khăn. Đối với cá nhân, việc bị hạn chế cơ hội đi học gây ra hậu quả xấu trực tiếp trước mắt và lâu dài đối với cuộc sống của họ. Đối với cộng đồng xã hội, sự bất bình đẳng xã hội trong giáo dục là nguyên nhân của sự nghèo nàn tri thức, bất ổn định, mâu thuẫn, xung đột, nghèo nàn, tụt hậu, chậm phát triển và không phát triển bền vững. Điều đáng quan tâm là thực tế trên sẽ ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết 29 khóa XI của Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Đặc biệt, gần đây Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực để khai thác hiệu quả cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tài liệu tham khảo

1. ADB (2002), *Indigenous People/Ethnic Minorities and Poverty Reduction Viet Nam*, Manila, Retrieved December 10-12, 2002.

2. Nguyễn Đức Chiện (2009), “Công bằng xã hội với các cơ hội phát triển của các nhóm dân cư ở một xã đồng bằng Sông Hồng hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 18, tr. 30-36.

3. Nguyễn Đức Chiện (2016), “Khác biệt xã hội trong tiếp cận giáo dục ở Việt Nam thời Đổi mới: Thực trạng và gợi ý chính sách”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 29-37.
4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020*.
5. Indu Bhushan, Erik Bloom, Nguyễn Minh Thắng và Nguyễn Hải Hữu (2001), *Vốn nhân lực của người nghèo ở Việt Nam: Tình hình và các lựa chọn về chính sách*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
6. Đỗ Thiên Kính (2005), “Bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 48-55.
7. Trần Quý Long (2013), “Các yếu tố gia đình ảnh hưởng đến tuổi thôi học của thanh thiếu niên Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 2, tr. 39-42.
8. Trần Quý Long (2014), “Tiếp cận giáo dục của trẻ em và các nhân tố ảnh hưởng”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, Số 4, tr. 48-58.
9. Nolwen Henaff và Jean Yves Martin (2001), “Tổ chức lại nền kinh tế và cơ cấu lại xã hội”, trong: Nolwen Henaff và Jean Yves Martin (Chủ biên), *Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm đổi mới*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Nghị quyết 88/2014/QH13 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
11. Phạm Hương Trà (2007), “Tiến tới sự bình đẳng trong giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân số và Phát triển*, Số 3, tr. 8-12.
12. Nguyễn Đức Vinh (2009), “Tác động của các yếu tố cá nhân và gia đình đến tình trạng học vấn của trẻ em và thanh niên ở nông thôn”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, tr. 26-43.